TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/ST-DS
Ngày 10 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hiến;
2. Bà Võ Thị Trúc Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Hà Văn H;

Địa chỉ: Số 116- Lê D, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc M và bà Mai Thị Tuyết N; Cùng địa chỉ: Số B đường Bến H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 6 năm 2019). Có mặt.

2- Bị đơn: Bà Ngô Thị Nh;

Địa chỉ: Khu phố N, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Ngọc Bảo V;

Địa chỉ: Khu phố N, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hà Văn H (Sau đây viết tắt là: ông H) trình bày:

- Ngày 30 tháng 7 năm 2004, ông H cho bà Ngô Thị Nh và ông Hoàng Ngọc Bảo V (Sau đây viết tắt là: bà Nh, ông V) vay số tiền 65.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 3 %/tháng.

- Ngày 25 tháng 11 năm 2008, ông H cho bà Nh, ông V vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, không có thỏa thuận về lãi suất.

- Ngày 20 tháng 12 năm 2009 Âm lịch (Ngày 03 tháng 02 năm 2010 Dương lịch), ông H tiếp tục cho bà Nh, ông V vay thêm số tiền 93.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 3 %/tháng.

Nội dung thỏa thuận nêu trên được được lập thành văn bản (Giấy mượn tiền).

Quá trình thực hiện hợp đồng các bên thỏa thuận lại thời hạn cuối cùng phải trả nợ của 03 khoản vay trên là ngày 30 tháng 12 năm 2012.

Quá thời hạn trả nợ, ông H đã nhiều lần yêu cầu bà Nh, ông V trả lại tiền vay theo 03 Hợp đồng vay nêu trên nhưng bà Nh, ông V không trả nên ông H khởi kiện bà Nhvà xác định ông V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, với yêu cầu: Buộc ông Hoàng Ngọc Bảo V và bà Ngô Thị Nh trả lại cho ông Hà Văn H số tiền 198.000.000 đồng.

2. Bị đơn (bà Ngô Thị Nh) và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Ngọc Bảo V)

Bà Nh, ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bà, Ông không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ thức.

3. Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

** Về tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

** Về nội dung vụ án:*

Căn cứ Điều 256 và Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1- Việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1.2- Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy: Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, các bên đã thỏa thuận lại thời hạn trả nợ, cụ thể: Thời hạn cuối cùng bên vay phải trả nợ 03 khoản vay nêu trên là ngày 30 tháng 12 năm 2012.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, ông H nộp đơn khởi kiện. Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông H và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Tranh chấp đòi lại tài sản"* là đúng quy định Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Xem xét nội dung "03 Giấy mượn tiền", Hội đồng xét xử thấy: Ngày 30 tháng 7 năm 2004, bà Nh, ông V có vay (Mượn) của ông H số tiền 65.000.000 đồng; Ngày 25 tháng 11 năm 2008, bà Nh, ông V có vay (Mượn) của ông H số tiền 40.000.000 đồng; Ngày 20 tháng 12 năm 2009 (Âm lịch), bà Nh, ông V có vay (Mượn) của ông H số tiền 93.000.000 đồng. Tuy nhiên, phần ký tên trong 03 Hợp đồng chỉ có chữ ký và chữ viết mang tên Ngô Thị Nh.

- Xem xét Văn bản thỏa thuận lại thời hạn trả nợ tiền vay "Giấy hẹn trả nợ", thấy: Tại phần ký tên chỉ có chữ ký và chữ viết mang tên Ngô Thị Nh.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không chứng minh được ông V cùng với bà Nh hoặc ông V ủy quyền cho bà Nh vay tiền của ông H theo 03 Hợp đồng vay và ký Văn bản thỏa thuận lại thời hạn trả nợ tiền vay hoặc ông V bà Nh cùng sử dụng chung số tiền bà Nh vay của ông H. Vì vậy, không có căn cứ để xác định ông V có liên quan đến 03 khoản vay nêu trên.

Với nội dung nêu trên, đủ cơ sở để xác định: Trong các ngày 30 tháng 7 năm 2004, ngày 25 tháng 11 năm 2008 và ngày 20 tháng 12 năm 2009 (Âm lịch), bà Nh đã nhận số tiền vay 198.000.000 đồng từ ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh đã biết rõ yêu cầu khởi kiện của ông H thông qua việc nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt nhưng bà Nh không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để minh Bà "Đã thực hiện xong nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay là 198.000.000 đồng cho ông H". Như vậy, đã đủ cơ sở để xác định: Bà Ngô Thị Nh là người đang sử dụng để hưởng lợi về tài sản (198.000.000 đồng) thuộc quyền sở hữu của ông H mà không có căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền đã nhận (vay) cho nguyên đơn.

[3] *Về án phí:*

Buộc bà Ngô Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận toàn bộ nên cần trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 và Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H.

Buộc bà Ngô Thị Nh phải trả lại cho ông Hà Văn H 198.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

2- Về án phí:

Buộc bà Ngô Thị Nh phải chịu 9.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hà Văn H 4.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0000031 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ông Hà Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Ngọc Bảo V và bà Ngô Thị Nh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

Trần Quốc Huy